

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 12 - 2018

V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách**.

- *Các Hội Thẩm Nhân Dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp**;

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lý Văn Toán** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
278/2018/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 9 năm 2018, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐST-HNGĐ,
ngày 12 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST – DS,
ngày 23 tháng 11 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số:
218/2018/TB-TA, ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị H**, sinh năm: 1991(có mặt)

Địa chỉ: K/p M, TT. M, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Ha Na P**, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: K/p M, TT. M, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày:** Chị chồng chị tên Ha Na P cưới nhau từ năm 2013, hai vợ chồng chị có tổ chức hôn lễ theo phong tục, tập quán và vợ chồng chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được UBND Thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hôn. Trong quá trình chung sống chị và chồng có với nhau một người con chung tên: **Rô Na M**, sinh ngày 18/07/2014 hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung, trong thời gian chung sống vợ chồng cũng không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, phát sinh mâu thuẫn dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến năm 2016 thì chị và chồng chị ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt nên tôi làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho chị như sau:

- *Về hôn nhân:* Xin được ly hôn với anh Ha Na P.

- *Về việc nuôi con chung:* Xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên **Rô Na M**, sinh ngày 18/07/2014, chị H xác định không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con vì chị xác định hiện tại chị đang làm tại công ty TNHH Shengchang tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với thu nhập mỗi trung bình là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và hiện tại con cũng do chị đang nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Ha Na P trình bày:** Anh và vợ anh Tên Lâm Thị H cưới nhau từ năm 2013, hai vợ chồng anh có tổ chức hôn lễ theo phong tục, tập quán và vợ chồng anh có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được UBND Thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hôn. Trong quá trình chung sống anh và vợ có với nhau một người con chung tên: **Rô Na M**, sinh ngày 18/07/2014, anh P xác định hiện con đang sống với chị H. Về tài sản chung, trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung, trong thời gian

chung sống vợ chồng cũng không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, phát sinh mâu thuẫn dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến năm 2016 thì anh và vợ anh ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị H làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh thì ý kiến của anh như sau:

- *Về hôn nhân*: Đồng ý ly hôn với vợ tên Lâm Thị H;

- *Về việc nuôi con chung*: Anh P xin được nuôi dưỡng con chung tên **Rô Na M**, sinh ngày 18/07/2014, anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh Ha Na P xin được quyền nuôi con là do anh sợ con của anh khi sống chung chị H không được tốt, sợ con anh bị người khác hành hạ. Theo anh P từ sinh ra đến giờ, con anh tên là **Rô Na M** do vợ anh chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không có gặp con anh khoảng 03 năm nay.

Về nguồn thu nhập hiện tại anh P làm thợ sơn, mỗi ngày thu nhập khoảng 300.000đ, nên anh có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên anh đi làm lao động tự do nên không thể cung cấp bằng lương cho cho Tòa án được.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Lâm Thị H xin được ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H và anh Na P đều xác định anh chị cưới nhau từ năm 2013, hai vợ chồng anh có tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được UBND thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hôn ngày 18/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp

luật thừa nhận. Tại phiên tòa chị H và anh Na P thống nhất thuận tình ly hôn, nên HĐXX ghi nhận.

[3] - Về việc nuôi con chung: Chị Lâm Thị H và anh Ha Na P xác định trong quá trình chung sống anh chị có với một người con chung tên: tên **Rô Na M**, sinh ngày 18/07/2014 hiện đang sống với chị H. Ý kiến của chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Na P cấp dưỡng, anh Na P xin được quyền nuôi dưỡng người con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

[4] - Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Lâm Thị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, HĐXX nhận định như sau: Từ khi cháu Rô Na M sinh ra đến ngày hôm nay thì cháu Na M đều sống với chị H, đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng hơn nữa từ ngày ly thân đến nay anh Na P không có đến để thăm và cùng chị H để nuôi dưỡng cháu Na M, việc anh Na P cho rằng anh muốn dành quyền nuôi con là do anh sợ con của anh ở với chị H con anh bị hành hạ là không có căn cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2018 của Thị H, Thị Th và Thị L những người này đều xác nhận từ khi sinh đến nay cháu Na M đều do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Na M phát triển rất tốt cả về thể chất và tinh thần. Hơn nữa từ khi ly thân đến nay anh Ha Na P không hề đến thăm nom cháu Na M mặc dù 02 gia đình ở gần nhau. Còn việc anh Ha Na P cho rằng anh không đến thăm con là do bên chị H ngăn cản không cho thăm và hơn nữa anh sợ con anh sống bên chị H sẽ bị hành hạ nhưng anh không chứng minh được lời trình bày của mình là có căn cứ.

[5] - Xét về điều kiện kinh tế để đảm bảo cho việc nuôi con thì hiện chị H đang đi làm tại Công ty thu nhập một tháng 7.000.000đ(bảy triệu đồng), do đó chị H đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Hơn nữa, từ khi sinh ra đến nay cháu Na M đều sống bên chị H nên HĐXX xét thấy không nên thay đổi môi trường sống của cháu. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX xét thấy tiếp tục giao cháu Rô Na M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[6] - Về tài sản chung: Chị H và anh Na P Xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[7] - Về nợ chung: Chị H và anh Na P Xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[8] - Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc chị Lâm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị H được khấu trừ 300.000đ tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006706, ngày 21/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 55, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Ha Na P.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Rô Na M, sinh ngày 18/7/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Na P cấp dưỡng.

Anh Ha Na P có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Lâm Thị H và anh Ha Na P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết(miễn xét).

4. Về quan hệ nợ chung: Chị Lâm Thị H và anh Ha Na P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết(miễn xét).

5. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị H được khấu trừ 300.000đ tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006706, ngày 21/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Danh Pì Sách

